

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2021

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị VTMH; địa chỉ: Số nhà A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh NVT; địa chỉ: Số nhà A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21-9-2020, bản tự khai đề ngày 28-10-2020, biên bản làm việc ngày 05-3-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị VTMH) trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Tôi (VTMH) và anh NVT xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận C, thành phố Hải Phòng vào ngày 20-11-1998. Quá trình vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân chủ yếu là do không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể khắc phục được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống được nữa nên tôi (VTMH) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh NVT.

Về con chung: Có hai con là D, sinh ngày 25-12-1999 và E, sinh ngày 15-9-2007. Ly hôn, tôi (VTMH) yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu E và không yêu cầu anh NVT phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Con cháu D đã trên 18 tuổi nên sẽ tự quyết định việc ở với bố hay ở với mẹ.

Về tài sản chung: Tôi và anh NVT tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 06-11-2020, biên bản làm việc ngày 20-01-2021 và biên bản làm việc ngày 05-3-2021, bị đơn (anh NVT) trình bày: Tôi (NVT) và cô VTMH xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận C vào năm 1998. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng cãi vã và xô sát nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm gia đình giảm sút và không tìm được cách để cải thiện quan hệ vợ chồng nên tôi đồng ý ly hôn với chị VTMH.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là D, sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và E, sinh ngày 15-9-2007. Ly hôn, tôi đồng ý để cháu E cho chị VTMH trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại biên bản làm việc ngày 05-3-2021 anh NVT nêu ý kiến nếu chị VTMH vẫn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân. Hiện tôi (NVT) vẫn chưa có văn bản, tài liệu về vấn đề nêu trên gửi đến Tòa án. Tôi đề xuất gia hạn thời gian trả lời cho tôi thêm 07 ngày (làm việc) để tôi có tài liệu, đề xuất cụ thể yêu cầu về tài sản chung của tôi và chị VTMH. Nếu sau thời gian 07 ngày nêu trên, tôi không có ý kiến về vấn đề tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng thì tôi không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung nữa. Tôi (NVT) sẽ yêu cầu vấn đề này trong một vụ án khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản

3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ vợ chồng: Chị VTMH được ly hôn với anh NVT.
- Về con chung: Giao cho chị VTMH trực tiếp nuôi con là E, sinh ngày 15-9-2007. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về chia tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị VTMH phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn (anh NVT) nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường B, quận C nên yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh NVT và chị VTMH kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký việc kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Hải Phòng theo đúng quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 55, ngày 20-11-1998).

[4] Nguyên đơn (chị VTMH) trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống quá sâu sắc, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không có khả năng khắc phục. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Xét thấy tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị VTMH yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh NVT.

[5] Về phía bị đơn trình bày và xác nhận mâu thuẫn vợ chồng như nguyên đơn trình bày và cũng xác nhận về việc tình cảm vợ chồng không được cải thiện được và đồng ý ly hôn.

[6] Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày và xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và không có khả năng cải thiện để chung sống đoàn tụ được nữa nên thống nhất có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy cần xác định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị VTMH và anh NVT đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm

đối với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử: nguyên đơn (chị VTMH) được ly hôn với bị đơn (anh NVT).

[7] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có hai con chung là D, sinh năm 1999 (đã trưởng thành, trên 18 tuổi) và E, sinh ngày 15-9-2007. Ly hôn, chị VTMH và anh NVT thống nhất có ý kiến để chị VTMH được trực tiếp nuôi dưỡng cháu E; việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu D hiện đã trên 18 tuổi nên cháu sẽ tự quyết định việc ở với bố hay với mẹ.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều đã thống nhất có ý kiến về việc để nguyên đơn (chị VTMH) được trực tiếp nuôi con là E. Tại đơn đề nghị đề ngày 02-4-2021 cháu E có nguyện vọng muốn được sinh sống cùng mẹ. Xét thấy cần giao cho chị VTMH trực tiếp nuôi con chung là cháu E là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo được quyền lợi của con chung, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu và bị đơn có ý kiến tự đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ việc khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[10] Về tài sản chung: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung.

[11] Đối với bị đơn, tại biên bản làm việc ngày 05-3-2021 bị đơn nêu ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân và xác nhận vẫn chưa có văn bản, tài liệu về vấn đề nêu trên gửi đến Tòa án. Bị đơn đề nghị Tòa án gia hạn thời gian trả lời cho bị đơn thêm 07 ngày làm việc để bị đơn có tài liệu, đề xuất cụ thể yêu cầu về tài sản chung giữa bị đơn và nguyên đơn. Bị đơn cam đoan nếu sau thời gian 07 ngày mà bị đơn không có ý kiến về vấn đề tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết về phân chia tài sản chung nữa. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết vấn đề này trong một vụ án khác.

[12] Tuy nhiên, đến trước phiên họp công khai chứng cứ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản và cũng không giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gì về việc yêu cầu phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[13] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị VTMH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị VTMH được ly hôn với anh NVT.

- Về con chung: Giao cho chị VTMH trực tiếp nuôi dưỡng con là E, sinh ngày 15-9-2007. Thời hạn nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản: Các bên đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn (chị VTMH) phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2016, số 0010056 ngày 22-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị VTMH đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Kiên